

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2640/QĐ-UBND

Đại Từ, ngày 30 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Phú Lạc,
huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; số 320/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ

thuật; số 02/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 Ban hành QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

Căn cứ Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025”;

Căn cứ các Văn bản của Bộ Xây dựng: số 2307/BXD-QHKT ngày 27/6/2022 về việc hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 - 2025; số 3094/BXD-QHKT ngày 09/8/2022 về việc thực hiện một số nội dung thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên: số 4176/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025; số 863/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025; số 2192/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí về xóm nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025; số 2193/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 về việc ban hành Quy định cụ thể một số chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; số 2194/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025; số 2196/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 về việc ban hành quy định Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới kiểu mẫu, tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Văn bản của Sở Xây dựng: số 3045/SXD-QHKT ngày 10/11/2020 về việc hướng dẫn một số nội dung về quy hoạch, xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; số 1747/SXD-QHKT ngày 23/6/2022 về việc hướng dẫn UBND các huyện thực hiện tiêu chí quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 2170/SGTVT-QLCLCT&ATGT ngày 29/9/2022 của Sở Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và thiết kế mẫu các loại đường giao thông nông thôn có quy mô, kỹ thuật thi công đơn giản phục vụ xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Quyết định của UBND huyện Đại Từ: số 6545/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới xã Phú Lạc, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2012-2020; số 2687/QĐ-UBND, ngày 15/6/2022 về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Phú Lạc, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Hồ sơ đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Phú Lạc, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên do Viện Quy hoạch xây dựng Thái Nguyên lập.

Theo đề nghị của UBND xã Phú Lạc tại Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 15/5/2023 và của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 529/TTr-KT&HT ngày 28/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Phú Lạc, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên với những nội dung chính sau:

1. Tên quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Phú Lạc, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Địa điểm và ranh giới, quy mô, mục tiêu, giai đoạn lập quy hoạch:

2.1. Địa điểm: xã Phú Lạc, huyện Đại Từ.

2.2. Ranh giới quy hoạch: Bao gồm toàn bộ ranh giới địa lý xã Phú Lạc với tổng diện tích 2.083,23 ha, được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp với xã Đức Lương, huyện Đại Từ;

+ Phía Đông giáp xã Tân Linh, huyện Đại Từ;

+ Phía Nam giáp xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ;

+ Phía Tây giáp xã Phú Thịnh, xã Phú Cường, huyện Đại Từ

2.3. Dự báo Quy mô dân số, lao động:

- Quy mô Dân số năm 2022: 6.883 người.

- Dự báo quy mô dân số đến năm 2025 khoảng: 7.000 người.

- Dự báo quy mô dân số đến năm 2030 khoảng: 9.400 người.

2.4. Mục tiêu:

- Điều chỉnh quy hoạch chung xã để đảm bảo phù hợp với các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; số 320/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

- Điều chỉnh quy hoạch chung xã để đảm bảo phù hợp với các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên: số 2192/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí về xóm nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025; số 2193/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 về việc ban hành Quy định cụ thể một số chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; số 2194/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025; số 2196/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 về việc ban hành quy định Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới kiểu mẫu, tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025;

- Trên cơ sở phân tích đánh giá tình hình thực hiện chương trình NTM để điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch để phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã. Tập trung huy động các nguồn lực để từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, phần đầu hoàn thiện, đáp ứng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, giữ vững các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2026 - 2030. Định hướng tiêu chí phường trong tương lai.

- Điều chỉnh quy hoạch chung xã mang đặc trưng riêng của xã miền núi, trên cơ sở tuân thủ theo các Quy chuẩn và các quy định của nhà nước.

- Cập nhật điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phù hợp với nhu cầu thực tiễn của địa phương và quy hoạch sử dụng đất của huyện.

- Cập nhật các công trình, các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt.

- Điều chỉnh quy hoạch chung xã được duyệt làm cơ sở để lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư trung tâm xã, khu dân cư và các khu chức năng khác trên địa bàn xã.

2.5. Giai đoạn quy hoạch: Thời hạn lập quy hoạch chung xây dựng xã là 10 năm, phân thành hai giai đoạn:

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2025.

- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2030.

3. Tính chất: Điều chỉnh mang tính chất định hướng điều chỉnh tổng thể không gian toàn xã giai đoạn quy hoạch 10 năm và phân kỳ quy hoạch 5 năm.

4. Các chỉ tiêu kỹ thuật và quy hoạch sử dụng đất:

4.1. Chỉ tiêu sử dụng đất:

Căn cứ QCVN số 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng. Yêu cầu về quy hoạch xây dựng nông thôn chỉ tiêu về sử dụng đất như sau:

Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu

TT	Loại đất	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /người)
1	Đất xây dựng công trình nhà ở	25
2	Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	5
3	Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	5
4	Cây xanh công cộng	2

Chú thích: Không bao gồm đất để bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp quốc gia, tỉnh, huyện

4.2. Chỉ tiêu các công trình hạ tầng xã hội:

- Trụ sở làm việc cơ quan xã (Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ và các Đoàn thể): $\geq 1.000\text{m}^2$.

- Các công trình công cộng, dịch vụ:

Quy định về quy mô tối thiểu của các công trình công cộng, dịch vụ

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	Bán kính phục vụ tối đa
1. Giáo dục			
a. Trường, điểm trường mầm non	50 chỗ/1.000 dân	12 m ² /chỗ	2 km
b. Trường, điểm trường tiểu học	65 chỗ/1.000 dân	10 m ² /chỗ	2 km
c. Trường trung học	55 chỗ/1.000 dân	10 m ² /chỗ	
2. Y tế			
Trạm y tế xã:	1 trạm/xã		
- Không có vườn thuốc		500m ² /trạm	
- Có vườn thuốc		1.000m ² /trạm	
3. Văn hóa, thể thao công cộng ⁽¹⁾			
a. Nhà văn hóa		1.000m ² /công trình	
b. Phòng truyền thống		200 m ² /công trình	
c. Thư viện		200 m ² /công trình	
d. Hội trường		100 chỗ/công trình	
e. Cụm công trình, sân bãi thể thao		5.000 m ² /cụm	
4. Chợ, cửa hàng dịch vụ ⁽²⁾			
a. Chợ	1 chợ/xã	1.500 m ²	
b. Cửa hàng dịch vụ trung tâm	1 công trình/khu trung tâm	300 m ²	
5. Điểm phục vụ bưu chính viễn thông			
Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bao gồm cả truy cập Internet)	1 điểm/xã	150 m ² /điểm	
<i>Chú thích 1: Các hạng mục văn hóa, thể thao công cộng phải kết hợp trong cùng nhóm công trình để đảm bảo sử dụng khai thác hiệu quả;</i>			
<i>Chú thích 2: Tùy theo đặc điểm địa phương có thể bố trí cho xã hoặc liên xã.</i>			

4.3. Quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Chi tiêu	Ma	Hiện trạng	Kỳ quy hoạch	Sau khi điều chỉnh	Tăng (+) Giảm (-)
-1	-2	-3	-5	2.065,85	2.065,85	0
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.430,76	1.753,62	1.647,81	217,05
1.1	Đất lúa nước	DLN	361,28	354,99	298,41	-42,87
1.2	Đất trồng lúa nương	LUN	-	-	-	-
1.3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK	67,31	30,65	20,26	-42,05
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN	414,14	695,12	641,97	252,83
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	0,00
	<i>Trong đó: Khu bảo tồn thiên nhiên</i>	<i>DBT</i>				
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX	563,04	626,26	566,88	18,84
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	24,99	46,60	45,29	20,30
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-	10	10,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	638,38	315,60	421,41	-216,9
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, CTSN	CTS	0,57	5,52	5,72	5,15
2.2	Đất quốc phòng	CQP	-	-	-	-
2.3	Đất an ninh	CAN	0,19	-	-	-
2.4	Đất khu công nghiệp	SKK	42,75	-	5	-37,75
2.5	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	0,56	2,53	17,82	17,26
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	-	-	-	-
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	52,29	-	120,29	-
2.8	Đất di tích danh thắng	DDT	3,86	-	2,29	-1,57
2.9	Đất xử lý, chôn lấp chất thải	DRA	7,00	-	0,04	-6,96
2.10	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,64	0,73	0,73	0,09
2.11	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	14,81	7,90	15,97	1,16
2.12	Đất cơ mặt nước chuyên dùng	SMN	46,21	9,88	9,88	-36,33
2.13	Đất sông, suối	SON	26,80	26,80	26,80	26,80
2.14	Đất phát triển hạ tầng	DHT	68,08	68,08	98,84	98,84
2.15	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	0,00
2.16	Đất khu dân cư nông thôn	DNT	199,63	194,16	202,32	2,69
	<i>Trong đó: Đất ở tại nông thôn</i>	<i>ONT</i>	199,63	194,16	204,69	5,06
3	Đất chưa sử dụng	DCS	0	11,02	11,02	11,02
4	Đất khu du lịch	DDL				

5. Quy hoạch phân khu chức năng, tổ chức không gian:

5.1. Nguyên tắc quy hoạch: Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã cần nghiên cứu các phương án cơ cấu tổ chức không gian, lựa chọn giải pháp phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và hiện trạng của xã. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã là căn cứ để triển khai các quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất.

5.2. Cơ cấu phân khu chức năng:

- Phát triển không gian toàn xã gắn kết giữa trung tâm xã, các điểm dân cư nông thôn, các vùng sản xuất nông nghiệp. Việc bố trí hợp lý và đảm bảo về cơ cấu phân khu chức năng khu trung tâm xã, các điểm dân cư tập trung và nâng cấp cải tạo các cơ sở kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật hiện có.

- Phát triển hướng tới ưu tiên cho việc xã hội hóa đầu tư, tạo quỹ đất phát triển xây dựng, phát triển kinh tế xã hội.

5.3. Đối với khu trung tâm xã.

- Định hướng quy hoạch khu trung tâm xã Phú Lạc tại các xóm Na Hoàn, xóm Trại Tre, xóm Na Thúc, xóm Liên Minh, xóm Cây Nhừ với diện tích khoảng 75,0ha. Trong đó bao gồm diện tích xây dựng nhà ở, các công trình cơ sở hạ tầng, khuôn viên cây xanh, nhà văn hoá xã, sân thể thao, giao thông và các công trình công cộng khác.

- Quy mô dân số dự kiến khoảng 8.000 người. Số hộ sẽ được xác định dựa trên cơ sở quỹ đất quy hoạch đất ở dân cư nông thôn và các điểm quy hoạch khu dân cư tập trung.

- Các công trình công cộng bao gồm trụ sở UBND, trường THCS, Tiểu học, Mầm non, trạm y tế bố trí tại vị trí hiện có, đảm bảo chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng thuận lợi về giao thông. Các công trình quy hoạch mới bao gồm sân thể thao xã, trạm y tế, bưu điện và một số công trình công cộng khác, đảm bảo diện tích, cải thiện môi trường cho khu trung tâm và tạo nên khuôn viên xanh cho khu hành chính của xã.

5.4. Định hướng tổ chức các công trình trung tâm xã:

a. Trụ sở làm việc UBND xã (Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ và các Đoàn thể xã): giữ nguyên vị trí, mở rộng tổng diện tích 4.532 m².

b. Trụ sở Công an xã bố trí trung tâm xã.

c. Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã gần UBND xã diện tích 1.100m².

d. Trường mầm non: Trường Mầm non trung tâm tại xóm Na Hoàn, có tổng diện tích khuôn viên là 3.184 m². Quy hoạch Mở rộng thêm 4300m²; Điểm trường Mầm non tại Lũng 1, có diện tích đất 500m².

e. Trường Tiểu học: Trường Tiểu học trung tâm xã tại xóm Na Hoàn, có tổng diện tích khuôn viên là 9.492 m²; Điểm Tiểu học tại xóm Lũng 1, có diện tích đất 900m².

f. Trường Trung học cơ sở: Trường THCS được xây dựng tại xóm Na Hoàn với tổng diện tích khuôn viên là 27.491 m²;

g. Trạm Y tế xã: giữ nguyên vị trí, diện tích 1.200m².

h. Bưu điện văn hoá xã: giữ nguyên vị trí, diện tích 100m².

i. Chợ: Quy hoạch mới chợ trung tâm xã Phú Lạc thuộc xóm Na Hoàn có diện tích hơn 6.000m², đối diện Chợ sẽ quy hoạch thêm quỹ đất thương mại, dịch vụ.

5.5. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ:

a. Khu văn hóa, thể thao cấp xã:

- Nhà Văn hóa xã, trung tâm học tập cộng đồng xã đã được xây dựng nằm trong khuôn viên trụ sở UBND xã đảm bảo phục vụ hoạt động, sinh hoạt cộng đồng.

- Khu thể thao xã: Quy hoạch 01 sân thể thao xã tại trung tâm xã, diện tích khoảng 10.000m².

b. Khu văn hóa, thể thao xóm: Quy hoạch đáp ứng nhu cầu văn hóa, vui chơi giải trí của nhân dân, đồng thời đảm bảo theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới, các nhà văn hóa xóm và sân thể thao phải đảm bảo đủ diện tích theo quy định.

c. Trung tâm dịch vụ: Các trung tâm dịch vụ là nơi tổ chức các hoạt động mua sắm, dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí...được tổ chức với các không gian quảng trường trung tâm khu vực lõi hỗn hợp của xã và phù hợp với định hướng phát triển cho các khu dân cư. Các trung tâm dịch vụ này được tổ chức gắn liền với các không gian công cộng và không gian mở công viên cây xanh tạo thành tổng thể trung tâm dịch vụ - công cộng theo hướng mở.

d. Trung tâm công cộng: Các trung tâm công cộng được tổ chức thành các cấp, bao gồm trung tâm công cộng cấp đô thị, cấp đơn vị ở.

- Trung tâm công cộng cấp đô thị được tổ chức gắn liền với các trung tâm dịch vụ hỗn hợp.

- Trung tâm công cộng cấp đơn vị ở bao gồm các công trình như: Trạm Y tế, nhà văn hóa, trường học... được tổ chức gắn với các khu dân cư, đảm bảo bán kính phục vụ cho các khu ở.

e. Trung tâm cây xanh - thể dục thể thao:

- Trung tâm công viên cây xanh - thể dục thể thao: Được tổ chức gắn với trung tâm thương mại dịch vụ, hỗn hợp và công cộng. Không gian được tổ chức theo hướng mở, kết hợp với các công trình hỗn hợp dịch vụ tạo thành một quần thể.

- Các trung tâm cây xanh khu ở được tổ chức phân tán trong khu ở, đảm bảo bán kính phục vụ cho người dân.

5.6. Tổ chức các điểm nhấn, các không gian chính:

a. Các không gian mở trọng tâm của khu vực: Ngoài các quán trường trọng tâm nêu trên, các khu vực không gian mở của đô thị là các khu vực công viên cây xanh đô thị và các công viên cây xanh trong khu ở, các khu vực vui chơi giải trí.

b. Các công trình điểm nhấn:

- Phát triển các công trình biểu tượng và không gian ngoài trời như quảng trường ở các cửa ngõ đô thị và các nút đường chính.

- Quản lý bền vững mặt tiền công trình, hình dáng và màu sắc của công trình biểu tượng để nâng cao ý nghĩa và tầm quan trọng của công trình.

- Sử dụng các yếu tố thiết kế điển hình cho các công trình công cộng như các công trình xung quanh điểm nhấn, trồng cây và lát đường, xây quảng trường để làm nổi bật hình ảnh biểu tượng của khu trung tâm xã, đô thị trong tương lai.

5.7. Tổ chức các tuyến phố trục chính:

- Các tuyến phố thương mại kết nối với cây xanh, công viên nhỏ. Hai bên tuyến là trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng, kết hợp công trình cao tầng. Bằng giải pháp quy định các khoảng lùi (chỉ giới xây dựng) khác nhau cho từng đoạn phố nhỏ sẽ tăng cường các không gian mở, thoáng trong các khu dân cư, tạo không gian kiến trúc đa dạng, phong phú hấp dẫn cho du khách cũng như người dân sinh sống tại khu vực.

- Thiết kế nhằm đảm bảo đủ không gian dành cho người đi bộ, đảm bảo đi lại thông suốt và tránh lệch hướng đối với không gian mở.

5.8. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư:

a. Tổ chức không gian các khu dân cư hiện có: Đây là khu vực được ưu tiên cho các giải pháp cải tạo chỉnh trang đô thị đối với khu vực chỉnh trang các thôn, xóm của xã. Tại các khu dân cư hiện hữu hạn chế phát triển cao tầng. Không chế chiều cao tối đa cho các khu dân cư khoảng 05 tầng. Trong các khu dân cư tập trung vào các giải pháp cải tạo kiến trúc mặt đứng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Quy hoạch phân bổ mạng lưới điểm dân cư trong xã: Phát triển dân cư tập trung dựa trên diện tích làng xóm cũ, tận dụng các khu đất xen kẽ, đất trống chưa sử dụng.

- Các khu dân cư cũ rải rác trên khắp các sườn đồi, ven đường giao thông tập trung hạn chế phát triển ảnh hưởng hành lang an toàn giao thông. Cải tạo, nâng cấp các hệ thống cống, đường ống gần khu vực dân cư đảm bảo an toàn thoát nước về mùa mưa lũ.

- Kết hợp giữa khu ở mới với phát triển kinh tế vườn đồi, vườn rừng và chăn nuôi. Di dời các hộ dân không đảm bảo môi trường sống về các khu ở tập trung được quy hoạch mới tại các khu trung tâm xã. Trong quá trình thực hiện quy hoạch chi tiết cần mở rộng không gian cây xanh kết hợp với không gian văn hóa tạo thành tổ hợp không gian vui chơi giải trí đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cho nhân dân địa phương tại thôn xóm.

b. Tổ chức mạng lưới điểm dân cư:

- Quy hoạch xây dựng nhà ở, dịch vụ dọc các trục đường xã, liên xã. Xây dựng các khu dân cư theo hướng tập trung, tiết kiệm chi phí xây dựng công trình hạ tầng tận dụng các khu đất canh tác có năng suất thấp, đất trống chưa sử dụng.

- Các công trình công cộng trong điểm dân cư tập trung gồm: Nhà văn hóa và sân thể thao...các công trình xây dựng cần kiên cố, nền cao tránh bị ngập lụt vào mùa mưa.

- Tổ chức không gian các khu dân cư, điểm dân cư mới: Tầng cao công trình từ 01 tầng đến 5 tầng tùy theo khu vực chức năng được quy định cụ thể tại quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt và phù hợp với các quy định của quy chuẩn quy hoạch và chiều cao tính không.

- Khu vực nghiên cứu quy hoạch cần phát triển không gian trên cơ sở hiện trạng và tận dụng lợi thế địa lý, kinh tế, hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có, nhằm tạo sự phát triển bền vững, làm nền tảng cho sự phát triển, đảm bảo môi trường và ổn định đời sống nhân dân.

- Phát triển không gian toàn xã phải gắn kết giữa trung tâm xã, các điểm dân cư nông thôn, các vùng sản xuất nông nghiệp. Việc bố trí hợp lý và đảm bảo về cơ cấu phân khu chức năng khu trung tâm xã, các điểm dân cư tập trung và nâng cấp cải tạo các cơ sở kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật hiện có, trên cơ sở các tiêu chí phát triển nông thôn mới, hạn chế san lấp, tiết kiệm kinh phí đầu tư, bảo tồn các giá trị văn hoá lịch sử, cảnh quan thiên nhiên, môi trường nông thôn.

- Phát triển hướng tới ưu tiên cho việc xã hội hoá đầu tư, tạo quỹ đất xây dựng, phát triển kinh tế xã hội, không tách rời khỏi quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đại Từ và đặc biệt bám sát quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội của xã Phú Lạc và vùng phụ cận.

6. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất:

6.1. Quy hoạch vùng sản xuất lúa tập trung:

Căn cứ thực trạng diện tích lúa hiện có và quy hoạch xây dựng hạ tầng nông thôn, và các quy hoạch sản xuất khác; tổng diện tích đất lúa của xã Phú Lạc quy hoạch đến năm 2020 là 307,5ha; được quy hoạch thành 04 vùng sản xuất tập trung cấy lúa cao sản với diện tích là 124,4 ha, cụ thể như sau:

+ Vùng 1, cánh đồng xóm Liên Minh (42,6 ha).

+ Vùng 2, cánh đồng xóm Na Thúc (28,7 ha).

+ Vùng 3, cánh đồng xóm Đồng Vễn (31,2 ha).

+ Vùng 4, cánh đồng xóm Cây Nhừ (21,9 ha).

- Các khu vực còn lại giữ nguyên diện tích, cấy các loại giống lúa thường.

6.2. Quy hoạch khu vực trồng chè tập trung:

- Diện tích chè của xã được quy hoạch thành các vùng sản xuất giống chè mới có năng suất cao: Trong đó có vùng sản xuất chè sạch, năng suất cao gồm các xóm: { Xóm Đại Hà (59,78 ha); Xóm Lũng 1 (36,15 ha); Xóm Lũng 2 (36,44 ha)};

Xóm Phú Hòa (74,21 ha); Xóm Phương Nam 2 (19,3 ha); Xóm Phương Nam 3 (26,07 ha); Xóm Cây Nhừ (10,34 ha); Xóm Liên Minh (15,87 ha); Xóm Na Hoàn (18,22 ha); xóm Văn Giang (14,8 ha); Xóm Phương Nam 1 (12ha).

- Các xóm còn lại vẫn giữ nguyên diện tích canh tác. Đồng thời quy hoạch khu chế biến chè tập trung, diện tích 1,12 ha khu Lũng 1.

- Để tiếp tục nâng cao năng suất chất lượng chè Phú Lạc cần phải tiếp tục đưa các giống chè mới có năng suất, chất lượng cao như giống chè LDP1, Kim tuyên, Phúc vân tiên vào trồng thay thế các diện tích chè trung du thoái hóa năng suất thấp.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp, các HTX, làng nghề đầu tư vào phát triển cây chè, xây dựng các điểm giao dịch và giới thiệu sản phẩm.

6.3. Quy hoạch vùng trồng rau màu: với tổng diện tích 22,18ha, trong đó:

- Xóm Đồng Vòng, diện tích 8,48 ha.

- Xóm Trại Mới, diện tích 6,3 ha.

- Xóm Na Hoàn, diện tích 7,4 ha.

6.4. Quy hoạch vùng trồng cây ăn quả: Quy hoạch định hướng đến năm 2030 diện tích cây ăn quả tập trung trên địa bàn xã đạt 8,0 ha.

6.5. Quy hoạch phát triển chăn nuôi tập trung:

Mô hình chăn nuôi hiện nay tại địa phương là mô hình nhỏ lẻ theo hộ gia đình, các loài vật nuôi chủ yếu là gia cầm và thủy cầm, trâu bò phục vụ đời sống.

7. Quy hoạch phát triển lâm nghiệp: Hỗ trợ giống cây, hàng năm mở lớp tập huấn tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng cho nhân dân, cử cán bộ lâm nghiệp đi tập huấn và mở lớp tập huấn cho hộ gia đình làm nghề rừng để họ có thể từng bước tự xây dựng, thực hiện và giám sát kế hoạch sản xuất của mình. Đồng thời tổ chức để các hộ gia đình tham quan các mô hình sản xuất lâm nghiệp xóa đói, giảm nghèo đang mang lại thu nhập cao cho người dân.

8. Định hướng tổ chức công trình di tích, tôn giáo, tín ngưỡng: Giữ nguyên di tích lịch sử chùa Tăng và di tích lịch sử H53. Di tích lịch sử đền chùa Tăng diện tích khuôn viên 6651m². Khu di tích lịch sử H53 diện tích khuôn viên 2000m² chưa được xây dựng.

9. Quy hoạch đất quốc phòng trên địa bàn xã: Quy hoạch khu vực phòng thủ quân sự phù hợp với quy hoạch quốc phòng cấp trên.

10. Quy hoạch sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

- Chợ cũ hiện tại quy hoạch là quỹ đất thương mại để thu hút nhà đầu tư đến thuê đất thực hiện dự án.

- Quy hoạch mới chợ trung tâm xã Phú Lạc thuộc xóm Na Hoàn có diện tích hơn 6.000m², đối diện Chợ sẽ quy hoạch thêm quỹ đất thương mại để làm trung tâm tổ chức sự kiện nông sản hoặc tổ chức các lễ hội thương mại đặc sản vùng miền.

- Phát huy hiệu quả các Làng nghề truyền thống tại địa phương.

11. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

11.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

a. Đường giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường tỉnh ĐT.263C: Quy mô đường cấp III-MN, 2 làn xe.

- Tuyến đường huyện: Quy mô tối thiểu đường cấp VI.MN: nền đường rộng tối thiểu 6,0m; mặt đường rộng tối thiểu 3,5m.

b. Đường xã, đường trục xã: Chiều rộng nền đường tối thiểu 5,0m; chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m.

c. Đường thôn, xóm và đường liên thôn, xóm (đường trục xóm, liên xóm): Chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m; chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m, từ 300m - 500m có điểm tránh xe ô tô.

d. Đường ngõ, xóm: Chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m; chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m, từ 300m - 500m có điểm tránh xe ô tô.

e. Đường trục chính nội đồng: Chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m; chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m, từ 300m - 500m có điểm tránh xe ô tô.

f. Đường ngoại thị: Lộ giới đường 15,0m (Trong đó: mặt đường rộng 7,0m; vỉa hè $4,0m \times 2 = 8,0m$).

g. Đường nội thị: Lộ giới đường là 27,0m (trong đó: mặt đường rộng 15,0m, Hè đường rộng: $6,0m \times 2 = 12,0m$).

11.2. Quy hoạch san nền:

- Chỉ thực hiện thiết kế san nền khi có các công trình dự kiến xây dựng mới cũng như công trình cần quy hoạch mở rộng, sao cho phù hợp với địa hình tự nhiên, cao trình san nền của từng hạng mục phải phù hợp với hệ thống giao thông cũng như hệ thống thoát nước...

- Độ dốc nền tối thiểu là $\geq 0,4\%$ để đảm bảo thoát nước tự chảy.

- Tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đất san lấp, đào đắp; bảo vệ cây lâu năm, lớp đất màu.

11.3. Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt:

Để đảm bảo thoát nước mưa và thoát nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường, giải pháp quy hoạch dự kiến như sau:

- Đối với sông suối chảy qua khu vực dân cư, cần cải tạo, gia cố bờ, chống sạt lở.

- Đối với khu dân cư nằm bên sườn đồi, núi phải bố trí các mương đón hướng dòng chảy trên đỉnh đồi, núi xuống, không để chảy tràn qua khu dân cư.

- Hướng thoát nước chủ yếu theo hướng dốc của địa hình, độ dốc rãnh theo độ dốc đường để đảm bảo kinh tế và hạn chế khối lượng đào đắp.

- Khẩu độ cống thoát nước được tính toán trên cơ sở khoanh lưu vực, tính toán thủy văn và các xóm số khác của khu vực.

- Hệ thống thoát nước trong các khu dân cư được kết hợp với mương cứng thủy lợi. Nước tự chảy từ các khu dân cư sau đó ra mương thủy lợi đã cứng hoá trước khi thoát ra suối.

- Nạo vét khơi thông dòng chảy, mương tưới tiêu đảm bảo thoát lũ không gây ngập úng nhà dân.

- Hệ thống thoát nước của các cơ sở công nghiệp, cụm công nghiệp: Nước thải sẽ được xử lý riêng đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường trước khi thoát vào hệ thống cống chung.

11.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

a) Chỉ tiêu cấp điện:

Chỉ tiêu cấp điện được lấy theo tiêu chuẩn QHXD 01/2008 BXD phân quy hoạch xây dựng và công văn số 11/SXD-QH về việc hướng dẫn quy hoạch nông thôn mới. Phụ tải cấp điện gồm:

- Phụ tải điện sinh hoạt: Tối thiểu = 0,15KW/người, lấy bằng 0,2KW/người;

- Phụ tải điện cấp cho các công trình công cộng tối thiểu là 15% điện sinh hoạt, lấy bằng 20% điện sinh hoạt;

- Phụ tải điện cấp cho các trạm bơm tưới tiêu nông nghiệp: 0,35KW/ha;

- Phụ tải điện cấp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kho tàng: 50-140KW/ha lấy bằng 70KW/ha.

b) Xác định nhu cầu cấp điện toàn xã:

- Chỉ tiêu cấp điện:

- Nhu cầu điện dùng cho sinh hoạt:

+ Đợt đầu: 150W/người tương đương với 75KW/hộ.

+ Dài hạn: 230W/người tương đương với 150KW/hộ.

- Nhu cầu điện dùng chiếu sáng công cộng: Tính bằng 20% nhu cầu điện sinh hoạt.

- Nhu cầu điện dùng để sản xuất: Tính bằng 40% nhu cầu điện sinh hoạt.

- Điện dự phòng và hao phí được tính bằng 10% tổng nhu cầu điện.

Nhu cầu điện phụ tải điện sinh hoạt cho từng giai đoạn là:

- GĐI với 6500 người tương đương 950.00 KW;

- GDII với 7000 người cần tương đương 1.400.000 KW.

Tổng nhu cầu cấp điện cho toàn xã như sau:

- Nhu cầu dùng điện đợt đầu: 950KVA

- Nhu cầu dùng điện đợt sau: 1400KVA.

c) Nguồn điện:

Nguồn điện cấp cho các trạm trên địa bàn xã lấy nguồn điện từ Định Hóa - Phú Thịnh qua các trạm lưới 22/0,4 kv cấp điện cho các trạm biến áp treo.

- Hệ thống trạm biến áp được bố trí tại các khu vực dân cư đảm bảo tiêu chuẩn cấp điện và bán kính phục vụ.

- Vị trí các trạm biến áp được thể hiện trên bản vẽ quy hoạch.

Qua khảo sát thực tế các trạm biến áp ở Phú Lạc được bố trí khá hợp lý. Tuy nhiên, trong giai đoạn quy hoạch tới cần phải nâng công suất các trạm để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân.

- Cải tạo, nâng cấp dây hạ thế phục vụ điện thường xuyên, an toàn cho người dân.

c. Trạm biến áp: Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện cho phù hợp với sự phát triển của phụ tải. Khu trung tâm thương mại, khu dịch vụ thương mại sẽ được lắp đặt trạm biến áp riêng trong quá trình thiết kế cụ thể cho công trình.

d. Điện chiếu sáng công cộng:

- Khu trung tâm: Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên các trục đường chính trên địa bàn xã, nguồn điện chiếu sáng được lấy từ các trạm biến áp trên địa bàn xã. Điện chiếu sáng dùng các loại đèn chiếu sáng hiệu suất cao lắp trên cột bê tông li tâm của đường dây hạ thế, cáp điện chiếu sáng đi nổi.

- Các khu dân cư có quy hoạch chi tiết (đã và đang thực hiện dự án): Dùng đèn Led cao áp để chiếu sáng đường giao thông, đèn sân vườn bóng compact để chiếu sáng trang trí. Toàn bộ đường dây chiếu sáng dùng cáp cách điện Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,4/1KV luồn trong ống xoắn HDPE chôn ngầm dưới đất. Đoạn đi dọc theo vỉa hè cáp được chôn trực tiếp dưới đất ở độ sâu 0,7m; đoạn đi qua đường, cáp được luồn trong ống nhựa HDPE và lồng trong ống thép bảo vệ đi ở độ sâu 1m.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng (tuyến đường thấp sáng làng quê) trên các tuyến đường trục xóm, liên xóm, ngõ xóm, nguồn điện lấy từ các trạm biến áp trên địa bàn xã. Điện chiếu sáng dùng các loại đèn chiếu sáng hiệu suất cao lắp trên cột bê tông li tâm của đường dây hạ thế, cáp điện chiếu sáng đi nổi.

11.5. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

a) Tiêu chuẩn cấp nước:

- Trong đồ án quy hoạch chung, tiêu chuẩn cấp nước được lấy phù hợp cho điểm dân cư nông thôn theo QCXDVN 01 năm 2008 của bộ xây dựng và theo tiêu chí nông thôn mới. Cụ thể:

- Nước sinh hoạt: phục vụ tối thiểu 90% dân số toàn xã, chỉ tiêu cấp nước năm 2022 là 80 l/người/ngày đêm, năm 2025 là 100l/người/ngày đêm.

b) Nguồn nước:

Với hệ thống mặt nước chuyên dùng có lưu lượng nước lớn chảy qua địa bàn xã kết hợp với hệ thống nước ngầm trữ lượng lớn và đầm Cây Nhừ. Bố trí quy hoạch xây dựng nhà máy nước với diện tích hơn 5.000m² tại khu vực xóm Tân Hương 2 với công suất khoảng 2.000 m³/ngày đêm.

11.6. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a. Quy hoạch thoát nước thải đến năm 2030:

- *Định hướng quy hoạch thoát nước thải*

+ Thoát nước mưa: Hướng thoát nước chủ yếu theo hướng dốc của địa hình, độ dốc rãnh theo độ dốc đường để đảm bảo kinh tế và hạn chế khối lượng đào đắp. Hệ thống thoát nước trong khu dân cư được kế hợp với mương cứng thủy lợi. Nước tự chảy từ các khu dân cư sau đó ra mương thủy lợi đã cứng hóa trước khi thoát ra sông.

+ Thoát nước thải: Nước sinh hoạt của từng hộ dân ở đây rất ít, thường dùng để tưới cây là chủ yếu. Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt được xử lý cục bộ trước khi thu gom vào mạng lưới thoát nước chung của vùng rồi vận chuyển đến khu xử lý sinh học hoặc xử lý phân tán của từng khu vực. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn loại B có thể tái sử dụng.

- *Giải pháp về thoát nước thải:*

+ Các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp hộ gia đình, làng nghề trong xã dự kiến quy hoạch hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, có các khu xử lý nước thải.

+ Cụm dân cư nông thôn: Quy hoạch hệ thống thoát nước chung. Nước thải được xử lý qua bể tự hoại xây dựng đúng quy cách, sau đó xả vào hệ thống thoát nước, dẫn ra ao hồ để làm sạch tự nhiên hoặc tưới ruộng.

+ Các khu dân cư sống phân tán: Xây dựng các nhà xí hợp vệ sinh (xí tự hoại, xí hai ngăn, xí thấm...) cho các hộ dân.

b. Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn đến năm 2030:

- Bố trí hệ thống trang thiết bị xe thu gom rác đẩy tay để phục vụ công tác thu gom chất thải rắn.

- Duy trì hợp đồng với Ban quản lý vệ sinh môi trường đô thị huyện thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn xã theo quy định.

- Khoảng cách an toàn môi trường của điểm tập kết phải ≥ 20 m.

11.7. Quy hoạch nghĩa trang:

a. Nghĩa trang liệt sỹ: Cải tạo chỉnh trang khuôn viên, trồng thêm cây xanh trong khuôn viên nghĩa trang, tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp cho khu nghĩa trang.

b. Nghĩa trang nhân dân: Xây dựng 2 khu nghĩa trang tập trung tại xóm Văng Giang và xóm Cây nhừ diện tích 7,9ha.

- Nguyên tắc:

+ Xa khu dân cư ít nhất 500m, không nên đặt nghĩa trang nằm ở đầu hướng gió chủ đạo (khi quy hoạch phải tính tới các điểm dân cư của các xã lân cận).

+ Xa nguồn nước sử dụng sinh hoạt dân cư ít nhất 500,0m.

+ Có đường giao thông đảm bảo cho việc đưa tang lễ dễ dàng thuận tiện.

+ Sử dụng quỹ đất có năng suất trồng cây thấp.

+ Số lượng nghĩa trang tùy theo quy mô dân số và mật độ tập trung dân cư của xã.

- Nghĩa trang được xây dựng theo mẫu chung phù hợp với phong tục, tập quán và tâm linh của nhân dân, có cổng, tường rào bao quanh và phân chia các khu vực mai táng cụ thể (hung táng, cát táng). Trong nghĩa trang trồng cây xanh, có đường đi, mộ xây có hàng lối, có bộ phận quản lý.

- Các nghĩa địa còn lại của các xóm đóng cửa không cho chôn cất mới, từng bước di chuyển về nghĩa trang tập trung hoặc được quy hoạch chỉnh trang thành các khu khuôn viên nghĩa trang đảm bảo cảnh quan môi trường.

12. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất:

12.1. Quy hoạch giao thông nội đồng: Quy hoạch hệ thống giao thông nội đồng: Chiều rộng nền đường ≥ 4 m; chiều rộng mặt đường ≥ 3 m, chiều rộng lề đường mỗi bên $\geq 0,5$ m, từ 200m - 300m có điểm tránh xe ô tô, kết cấu mặt đường bê tông.

12.2. Quy hoạch thủy lợi:

a. Hệ thống kênh mương:

Hệ thống các kênh tưới trên địa bàn xã được phân bố bắt nguồn từ các hệ thống kênh suối chảy về. Về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu phục vụ tưới tiêu trong quá trình sản xuất nông nghiệp.

Trong kỳ quy hoạch cần nâng cấp, hoàn thiện hệ thống kênh bê tông để đảm bảo theo quy chuẩn.

b. Hệ thống vai đập, hồ, trạm bơm: Cải tạo, nâng cấp hệ thống các vai đập, trạm bơm hiện có trên địa bàn để đảm bảo tốt nhu cầu tưới lúa, màu, chè, cây ăn quả, hoa và rau màu đặc sản phục vụ đời sống của nhân dân.

13. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng:

- Việc quản lý thực hiện quy hoạch chung được quy định cụ thể trong “*Quy định quản lý theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Phú Lạc, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên*” được ban hành kèm theo hồ sơ quy hoạch này. Ngoài ra còn phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước; Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành.

- Việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung quy hoạch phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Giao UBND xã Phú Lạc phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức công bố công khai rộng rãi nội dung Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Phú Lạc cho các tổ chức, cơ quan có liên quan và nhân dân biết, thực hiện; quản lý xây dựng trong khu vực theo quy hoạch và quy định quản lý kèm theo đồ án quy hoạch; Chịu trách nhiệm về công tác quản lý và thực hiện quy hoạch xây dựng xã theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện; Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đại Từ; Chủ tịch UBND xã Phú Lạc và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Nam Tiến





CHÍNH TƯ